

1578

1994

TỔ CHỨC HỢP TÁC
VĂN HÓA VÀ KỸ THUẬT
ACCT

CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA
NGHIÊN CỨU MÔI TRƯỜNG
KT - 02

BẢO VỆ ĐA DẠNG SINH HỌC Ở VIỆT NAM

BÁO CÁO KẾT QUẢ CỦA DỰ ÁN NGHIÊN CỨU

CHỦ BIÊN

*Lê Thạc Cán, Đặng Huy Huỳnh
Võ Quý, Phạm Bình Quyền*

TẬP 2e2

TRUNG TÂM THÔNG TIN TỰ NHIÊN
KINH LÍ VÀ TÀI NGUYÊN QUỐC GIA
1578 TRÚ
CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU

HÀ NỘI
THÁNG 12 - 1993

TẬP 2

Báo cáo khoa học 2e2

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ XÃ HỘI TỚI TÍNH ĐA DẠNG SINH HỌC CỦA CÁC RỪNG NGẬP MẶN CỦA SÔNG, VEN BIỂN PHÍA NAM VIỆT NAM

Tác giả:

**GS. ĐOÀN CẢNH, KS. PHẠM MIÊN, KS. ĐỖ BÍCH LỘC,
KS. TRƯƠNG QUANG TÂM, KS. VŨ NGỌC LONG**
Phân viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật Thành phố Hồ Chí Minh
Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ Quốc gia

MỞ ĐẦU

Giống như nhiều nước đang phát triển khác ở trên thế giới, trong nhiều năm qua Việt Nam đã phải chịu nạn "ô nhiễm môi trường" do nghèo đói. Sự tăng trưởng dân số nhanh và chậm phát triển về kinh tế trong những thập kỷ vừa qua đã gia tăng sự suy giảm tài nguyên rừng, đất, nước ngọt, biển; tổn thất không thể bồi hoàn về tài nguyên khoáng sản, năng lượng và mất đi sự giàu có về tài nguyên sinh vật. Chiến tranh kéo dài gần như liên tục từ năm 1945 tới năm 1975 đã đem thêm vào tình trạng suy thoái vốn đã trầm trọng ấy những sự phá hoại to lớn về sinh thái. Sau lúc hòa bình được lập lại trên cả nước vào năm 1975, việc khôi phục lại môi trường bị hủy hoại, việc bảo vệ môi trường và các tài nguyên thiên nhiên nhằm cải thiện đời sống của nhân dân và xúc tiến phát triển bền vững trở thành nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu của quốc gia.

Năm 1985, Chương trình quốc gia nghiên cứu về Tài nguyên và Môi trường (TNMT) đã đề xuất với Chính phủ Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (CHXHCNVN) Chiến lược quốc gia bảo vệ thiên nhiên và môi trường (CLBV). Chiến lược này đã xác định 5 nhiệm vụ bảo vệ chính, trong đó có:

- Bảo vệ các quá trình sinh thái và các hệ đảm bảo cho đời sống của con người;
- Bảo vệ sự giàu có của đất nước về tài nguyên di truyền của các giống loài nuôi trồng, thuần hóa và hoang dại có giá trị lâu dài đối với nhân dân Việt Nam và nhân loại.

Tháng 6 năm 1991, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng CHXHCNVN đã ký Kế hoạch hành động quốc gia về Môi trường và Phát triển bền vững (MTPTBV). Kế hoạch thiết lập 7 chương trình hành động, trong đó có:

- Chương trình bảo vệ đa dạng sinh học;
- Chương trình bảo vệ các vùng đất ngập nước;
- Chương trình cải tiến việc quản lý các vườn quốc gia, các khu bảo vệ và duy trì các giống loài động thực vật quý hiếm.

Trong khuôn khổ của việc thực hiện các chương trình hành động này, Chương trình quốc gia nghiên cứu về môi trường đã tiến hành các đề tài nghiên cứu dài hạn nhằm:

- Xác định các nhân tố cấu thành đa dạng sinh học có ý nghĩa quan trọng đối với sự bảo vệ và sử dụng tính đa dạng này một cách lâu dài;
- Xác định các phạm trù hoạt động có ảnh hưởng bất lợi một cách nhạy cảm tới việc bảo vệ và sử dụng đa dạng sinh học;
- Nghiên cứu và thực nghiệm các biện pháp thực hành để xúc tiến việc bảo vệ và sử dụng hợp lý tính đa dạng sinh học.

Sau Hội nghị thượng đỉnh toàn cầu của Liên hiệp quốc về Môi trường và Phát triển bền vững, CHXHCN Việt Nam đã tham gia Công ước về đa dạng sinh học. Các hoạt động cụ thể nhằm bảo vệ đa dạng sinh học và nghiên cứu liên quan đã có bước phát triển mới. Tổ chức hợp tác văn hóa và kỹ thuật (ACCT) của các quốc gia cùng sử dụng chung tiếng Pháp đã giúp đỡ Việt Nam thực hiện các đề tài này dưới dạng dự án "**Bảo vệ đa dạng sinh học ở Việt Nam**". Cơ sở Việt Nam thực hiện dự án là Chương trình quốc gia nghiên cứu bảo vệ môi trường, hợp tác chủ yếu với Trung tâm nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường của Đại học Tổng hợp Hà Nội và Viện nghiên cứu Sinh thái và Tài nguyên sinh học của Trung tâm quốc gia về khoa học tự nhiên và công nghệ.

Bản thỏa thuận về dự án đã được ký ngày 25 tháng 5 năm 1993 tại Paris bởi, một bên là ông Alfred Rakotonjanahary, Tổng Giám đốc Hợp tác Kỹ thuật và Phát triển Kinh tế, đại diện ACCT, một bên là Ngài Trịnh Ngọc Thái, Đại sứ CHXHCNVN tại Pháp, đại diện cho Chương trình quốc gia NCMT.

Dự án dự kiến việc thực hiện 2 loại hoạt động:

Loại hoạt động thứ nhất

Tăng cường các hoạt động điều tra, khảo sát, nghiên cứu, liệt kê về các nhân tố cấu thành tính đa dạng sinh học; đánh giá giá trị sinh thái, kinh tế của các nhân tố này đối với bảo vệ và phát triển bền vững.

Các hoạt động này đã được thực hiện trên tất cả các vùng sinh thái ở trong nước (Hình 1). Kết quả nghiên cứu trình bày trong 4 báo cáo:

Báo cáo 1a: **"Đa dạng sinh học các vùng đất ngập nước ở Việt Nam"**, phản ánh kết quả của các hoạt động đã được tiến hành tại các tỉnh Thái Bình (Châu thổ Sông Hồng, vùng /a/) và tỉnh Đồng Tháp (Châu thổ Sông Cửu Long, vùng /h/).

Báo cáo 1b: **"Nghiên cứu tính đa dạng sinh học vùng rừng tỉnh Tuyên Quang và kiến nghị các biện pháp bảo vệ nhằm đảm bảo duy trì lâu dài"**, phản ánh kết quả hoạt động tại tỉnh Tuyên Quang (vùng núi phía Bắc, vùng /h/).

Báo cáo 1c: **"Bảo vệ đa dạng sinh học tại tỉnh Hà Tĩnh"**, phản ánh kết quả hoạt động tại vùng ven biển miền Trung (vùng /e/).

Báo cáo 1d: **"Bảo vệ đa dạng sinh học tại 5 vùng sinh thái ở Việt Nam"**, phản ánh kết quả nghiên cứu bước đầu tại vùng Đông Bắc phía Bắc (vùng /b/, vùng Cao nguyên miền Trung (vùng /f/), vùng Đông Nam phía Nam (vùng /g/) và các đảo ven biển.

Loại hoạt động thứ hai

Thực hiện các hoạt động thực tế để bảo vệ và cải thiện đa dạng sinh học, bao gồm việc chuẩn bị các kiến nghị về quản lý các vườn quốc gia và khu bảo vệ, giúp các cộng đồng nhân dân trong quản lý tài nguyên sinh vật tại địa phương; tăng cường các hoạt động của các trạm thực nghiệm về bảo vệ và đánh giá tác động môi trường của một số hoạt động khai thác tài nguyên sinh vật.

Kết quả hoạt động được trình bày trong các báo cáo sau:

Báo cáo 2a: **"Vườn quốc gia và khu bảo vệ ở Việt Nam"**, với sự đánh giá công tác bảo vệ và những khuyến cáo để cải tiến quản lý các vườn và các khu này.

Báo cáo 2b1: **"Xây dựng mô hình xã vùng đệm Kỳ Thượng, Kỳ Anh thuộc khu bảo tồn thiên nhiên Kê Gố, Hà Tĩnh"**, với các khuyến cáo về sử dụng các tài nguyên sinh vật cho cộng đồng địa phương cư trú gần khu bảo vệ.

Báo cáo 2b2: "Nghiên cứu xây dựng một làng vùng đệm vườn quốc gia Cúc Phương", với các khuyến cáo về sử dụng tài nguyên sinh vật cho cộng đồng sinh sống gần vườn quốc gia.

Báo cáo 2c: "Khôi phục, phát triển sự sinh đẻ và nuôi các động vật quý hiếm trong vườn quốc gia Ba Vì", với các khuyến cáo nhằm tăng cường các hoạt động của Trạm thực nghiệm về vấn đề này.

Báo cáo 2d: "Tài nguyên cây thuốc ở Sơn La và kết quả nghiên cứu trồng thử nghiệm một số loài cây có giá trị tại Chiềng Sinh, thị xã Sơn La", với các khuyến cáo nhằm tăng cường hoạt động bảo vệ tích cực.

Báo cáo 2e1: "Đánh giá tác động môi trường của các trại nuôi trồng thủy sản và đánh bắt hải sản tới tính đa dạng sinh học và môi trường vùng ven biển phía Bắc Việt Nam", với các khuyến nghị giảm bớt các tác động tiêu cực tới môi trường.

Báo cáo 2e2: "Tác động của các hoạt động kinh tế - xã hội tới đa dạng sinh học của các rừng ngập mặn cửa sông, ven biển phía Nam Việt Nam", với các khuyến cáo nhằm giảm bớt các tác động tiêu cực tới môi trường.

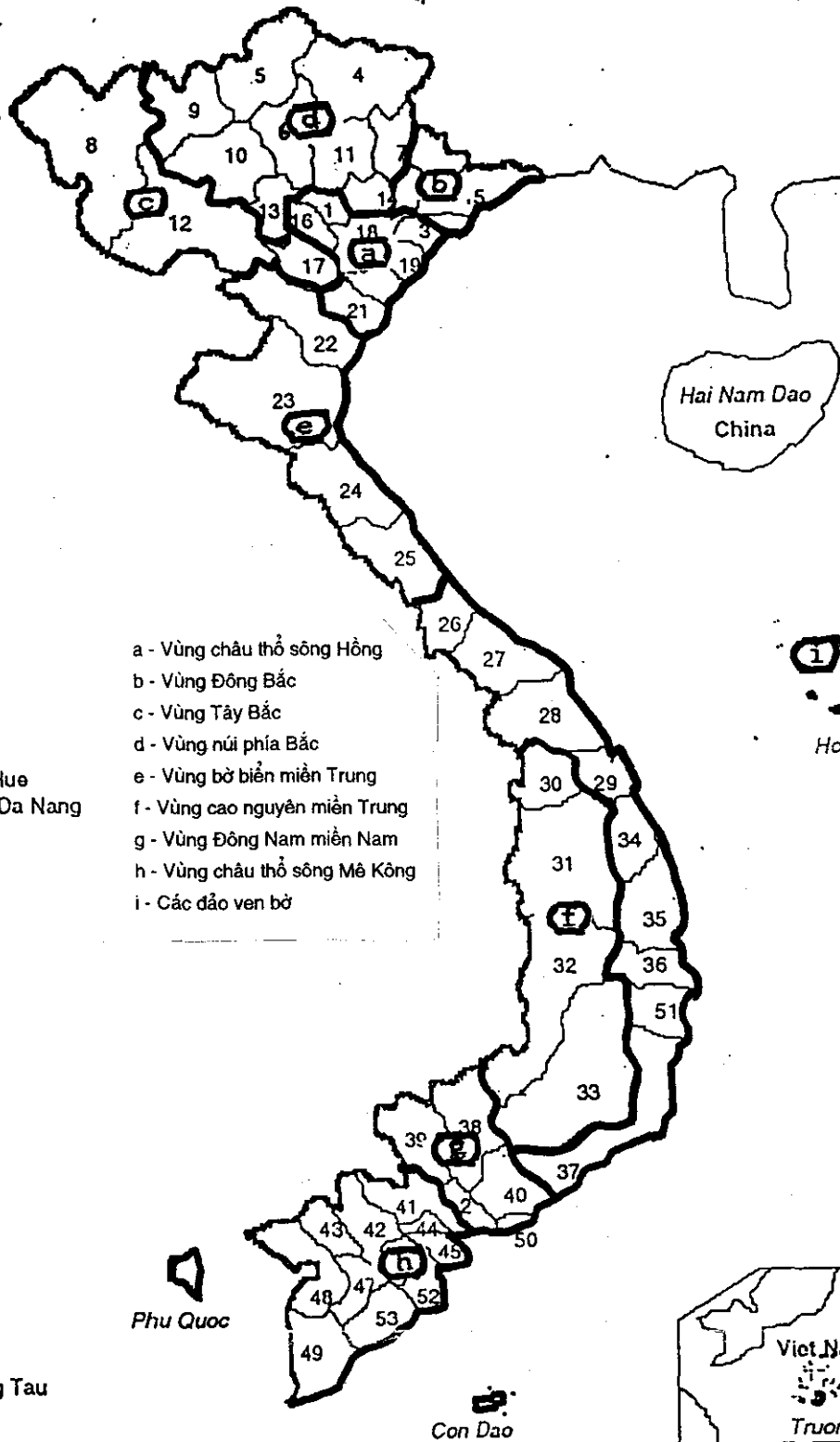
Nghiên cứu về đa dạng sinh học trên lãnh thổ Việt Nam, về việc bảo vệ và sử dụng hợp lý tính đa dạng này vào phát triển bền vững của quốc gia và góp phần ngăn chặn suy thoái đa dạng sinh học trên thế giới là sự nghiệp lâu dài. Các hoạt động của Chương trình quốc gia nghiên cứu môi trường, phối hợp với trợ giúp của ACCT trong phạm vi dự án này đã đem lại một số kết quả ban đầu và được trình bày trong báo cáo này của dự án. Các kết quả đó có giá trị khoa học quan trọng với nhiệm vụ bảo vệ đa dạng sinh học ở Việt Nam, và chứa đựng những khuyến cáo thực tế cho việc sử dụng tài nguyên này phục vụ sự nghiệp phát triển bền vững tại một số địa phương cũng như chung cho cả nước.

Những người chủ biên báo cáo và các tác giả các báo cáo cụ thể của dự án hi vọng rằng, trên cơ sở các kết quả đã thu được trong khuôn khổ của dự án, Chính phủ CHXHCNVN và ACCT sẽ tiếp tục sự giúp đỡ và tài trợ cho việc phát triển nghiên cứu và thực nghiệm về bảo vệ đa dạng sinh học ở Việt Nam.

VIET NAM

PROVINCE

1. Ha Noi
2. Ho Chi Minh City
3. Hai Phong
4. Cao Bang
5. Ha Giang
6. Tuyen Quang
7. Lang Son
8. Lai Chau
9. Lao Cai
10. Yen Bai
11. Bac Thai
12. Son La
13. Vinh Phu
14. Ha Bac
15. Quang Ninh
16. Ha Tay
17. Hoa Binh
18. Hai Hung
19. Thai Binh
20. Nam Ha
21. Ninh Binh
22. Thanh Hoa
23. Nghe An
24. Ha Tinh
25. Quang Binh
26. Quang Tri
27. Thua Thien - Hue
28. Quang Nam - Da Nang
29. Quang Ngai
30. Kon Tum
31. Gia Lai
32. Dac Lac
33. Lam Dong
34. Binh Dinh
35. Phu Yen
36. Khanh Hoa
37. Binh Thuan
38. Song Be
39. Tay Ninh
40. Dong Nai
41. Long An
42. Dong Thap
43. An Giang
44. Tien Giang
45. Ben Tre
46. Tra Vinh
47. Can Tho
48. Kien Giang
49. Minh Hai
50. Ba Ria - Vung Tau
51. Ninh Thuan
52. Vinh Long
53. Soc Trang



- a - Vùng châu thổ sông Hồng
- b - Vùng Đông Bắc
- c - Vùng Tây Bắc
- d - Vùng núi phía Bắc
- e - Vùng bờ biển miền Trung
- f - Vùng cao nguyên miền Trung
- g - Vùng Đông Nam miền Nam
- h - Vùng châu thổ sông Mê Kông
- i - Các đảo ven bờ

Hình 1. Các vùng sinh thái ở Việt Nam

LỜI CẢM ƠN

Những người biên tập và tác giả bản báo cáo này xin chân thành cảm ơn ông Jean Louis Roy, Tổng Thư ký Tổ chức Hợp tác Văn hóa và Kỹ thuật của ACCT; ông Alfred Rakotonahary, Tổng Giám đốc Hợp tác Kỹ thuật và Phát triển Kinh tế của ACCT; ông Nguyễn Thọ Nhân, chuyên viên cao cấp của ACCT; Ngài Trịnh Ngọc Thái, Đại sứ Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tại Pháp; Bộ Khoa học, Công nghệ, Môi trường Việt Nam; Ủy ban Nhân dân các tỉnh Tuyên Quang, Hà Giang, Lào Cai, Lai Châu, Ninh Bình, Hà Tĩnh, Hà Tây, Sơn La, Vĩnh Phú, Hà Nội, Quảng Ninh, Đồng Tháp, Đaklak, Gia Lai Kontum, Đồng Nai, Minh Hải; các cơ sở nghiên cứu và thực nghiệm của Đại học Tổng hợp Hà Nội, Đại học Sư phạm Hà Nội, Trung tâm Quốc gia về Khoa học Tự nhiên và Công nghệ đã giúp đỡ về chuyên môn và tài chính cho việc thực hiện dự án nghiên cứu này.

**DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI THAM GIA THỰC HIỆN DỰ-ÁN
"BẢO VỆ ĐA DẠNG SINH HỌC Ở VIỆT NAM"**

ĐIỀU HÀNH DỰ ÁN:

GS. Lê Thạc Cán,	Chủ nhiệm chương trình KHCN cấp nhà nước "Bảo vệ Môi trường KT-02"
GS. Võ Quý,	Giám đốc Trung tâm Tài nguyên và Môi trường, Đại học Tổng hợp Hà Nội
GS. Đặng Huy Huỳnh,	Viện trưởng Viện sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Trung tâm khoa học tự nhiên và công nghệ quốc gia
GS. Phạm Bình Quyền,	Trung tâm Tài nguyên và Môi trường, Đại học Tổng hợp Hà Nội

PHỤ TRÁCH CÁC TIỂU DỰ ÁN:

Tiểu dự án 1a:	PTS. Lê Diên Dục, Trung tâm Tài nguyên và Môi trường, ĐHTH Hà Nội
Tiểu dự án 1b:	GS. Đặng Huy Huỳnh, Viện sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Trung tâm KHTN và CNQG
Tiểu dự án 1c:	GS. Võ Quý, Trung tâm Tài nguyên và Môi trường, ĐHTH Hà Nội
Tiểu dự án 1d:	GS. Lê Bá Thảo, Đại học Sư phạm Hà Nội I; GS. Lê Duy Thuộc, GS. Mai Đình Yên, GS. Phan Kế Lộc, GS. Nguyễn Quang Mỹ, PTS. Nguyễn Văn Sáng, KS. Đặng Văn Thắm, KS. Nguyễn Hữu Tú
Tiểu dự án 2a:	GS. Võ Quý, Trung tâm Tài nguyên và Môi trường, ĐHTH Hà Nội
Tiểu dự án 2b1:	KS. Đường Nguyên Thụy, Sở Khoa học công nghệ và Môi trường Hà Tĩnh; PTS. Nguyễn Cừ, Viện sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Trung tâm KHTN và CNQG
Tiểu dự án 2b2:	GS. Lê Vũ Khôi, KS. Đặng Đình Viên, Đại học Tổng hợp Hà Nội

- Tiểu dự án 2c: GS. Đặng Huy Huỳnh, GS. Cao Văn Sung, PTS. Phạm Trọng Ánh, PTS. Hoàng Minh Khiên, PTS. Đặng Ngọc Căn, KS. Trần Văn Thắng, KS. Trịnh Việt Cường, Viện sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Trung tâm KHTH và CNQG
- Tiểu dự án 2d: PTS. Trần Đình Đại, KS. Nguyễn Trung Vệ, Viện sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Trung tâm KHTN và CNQG
- Tiểu dự án 2e1: GS. Phan Nguyễn Hồng, Đại học Sư phạm Hà Nội I
- Tiểu dự án 2e2: GS. Đoàn Cảnh, KS. Phạm Văn Miên, KS. Đỗ Bích Lộc, KS. Trương Quang Tâm, KS. Vũ Ngọc Long, Phân viện sinh thái và Tài nguyên sinh vật Thành phố Hồ Chí Minh